

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2013/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 04 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức trợ cấp xã hội và hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng đối với người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

Căn cứ Thông tư số 26/2012/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

Căn cứ Nghị quyết số 163/2009/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh thời gian và mức trợ cấp nuôi dưỡng, sinh hoạt phí cho đối tượng nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức trợ cấp xã hội và mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng cho người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Điện Biên:

1. Mức chuẩn trợ cấp xã hội để xác định các mức trợ cấp xã hội hàng tháng, mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng đối với người khuyết tật là 180.000 đồng (theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP).

2. Mức trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng đối với người khuyết tật sống tại hộ gia đình được tính theo mức chuẩn trợ cấp xã hội nhân với hệ số theo quy định tại các Điều 16, 17 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP, cụ thể:

a) Mức trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người khuyết tật sống tại hộ gia đình được quy định như sau:

- Mức 270.000 đồng/người/tháng (hệ số 1,5) đối với người khuyết tật nặng.
- Mức 360.000 đồng/người/tháng (hệ số 2,0) đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng là người cao tuổi, người khuyết tật nặng là trẻ em.
- Mức 450.000 đồng/người/tháng (hệ số 2,5) đối với người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi, người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em.

b) Mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi được quy định như sau:

- Mức 270.000 đồng/người/tháng (hệ số 1,5) đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang mang thai hoặc nuôi một con dưới 36 tháng tuổi.
- Mức 360.000 đồng/người/tháng (hệ số 2,0) đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang mang thai và nuôi con dưới 36 tháng tuổi; người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang nuôi từ hai con trở lên dưới 36 tháng tuổi.

c) Trường hợp cả vợ và chồng là người khuyết tật thuộc diện hưởng hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này thì chỉ được hưởng một suất hỗ trợ kinh phí chăm sóc quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều này.

d) Trường hợp người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang hưởng trợ cấp xã hội quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này nhưng mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì vẫn được hưởng kinh phí hỗ trợ chăm sóc quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

đ) Trường hợp người khuyết tật thuộc diện hưởng các mức trợ cấp xã hội, các mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng hoặc các mức hỗ trợ mai táng phí khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

e) Người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này, khi chết được hỗ trợ chi phí mai táng là 3.000.000 đồng (theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP).

g) Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng được hưởng kinh phí hỗ trợ chăm sóc là 180.000 đồng/tháng (hệ số 1,0).

h) Người đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 19 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP khi nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng được hỗ trợ kinh phí chăm sóc được quy định như sau:

- Mức 270.000 đồng/người/tháng (hệ số 1,5) đối với trường hợp nhận nuôi dưỡng, chăm sóc một người khuyết tật đặc biệt nặng.

- Mức 540.000 đồng/người/tháng (hệ số 3,0) đối với trường hợp nhận nuôi dưỡng, chăm sóc từ hai người khuyết tật đặc biệt nặng trở lên.

i) Thời gian hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người khuyết tật sống tại gia đình và người khuyết tật có đủ điều kiện nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội nhưng có người chăm sóc tại gia đình được tính từ ngày ghi trong quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng và hỗ trợ sinh hoạt phí hàng tháng đối với người khuyết tật tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh như sau:

a) Đối tượng nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh:

- Mức trợ cấp nuôi dưỡng bằng 80% mức lương tối thiểu/người/tháng.

- Mức hỗ trợ sinh hoạt phí bằng 30% mức lương tối thiểu/người/tháng để mua bảo hiểm y tế, cấp tư trang, vật dụng phục vụ sinh hoạt đời sống thường ngày, mua thuốc chữa bệnh thông thường và vệ sinh cá nhân hàng tháng (đối với phụ nữ).

b) Đối tượng đi học tại các trường chuyên nghiệp và dạy nghề:

- Mức trợ cấp nuôi dưỡng bằng 80% mức lương tối thiểu/người/tháng.

- Mức hỗ trợ sinh hoạt phí bằng 50% mức lương tối thiểu/người/tháng để mua bảo hiểm y tế, cấp tư trang, vật dụng phục vụ sinh hoạt đời sống thường ngày, mua thuốc chữa bệnh thông thường và vệ sinh cá nhân hàng tháng (đối với phụ nữ).

4. Định mức hỗ trợ và thời gian sử dụng tư trang, vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày đối với người khuyết tật đặc biệt nặng sống trong Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 26/2012/TT-BLĐTBXH. Căn cứ vào định mức hiện vật hỗ trợ tư trang, vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày, chi phí sửa chữa dụng cụ, phương tiện hỗ trợ phục hồi chức năng, Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh lập dự toán hàng năm trên cơ sở giá cả thực tế trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Hồ sơ, thủ tục đề nghị trợ cấp xã hội, hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng, hỗ trợ mai táng phí cho người khuyết tật thực hiện theo các quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP và các Điều 6, 8 Thông tư số 26/2012/TT-BLĐTBXH.

Điều 3. Nguồn kinh phí bảo đảm.

1. Kinh phí chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng và hỗ trợ mai táng phí cho người khuyết tật sống tại hộ gia đình, người khuyết tật có đủ điều kiện được nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội nhưng có người nhận chăm sóc tại hộ gia đình được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách cấp huyện.

2. Kinh phí chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng và hỗ trợ sinh hoạt phí, mai táng phí cho đối tượng người khuyết tật được nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội thuộc ngân sách tỉnh giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hàng năm, nguồn vận động, đóng góp, tài trợ của các tổ chức, cá nhân (nếu có).

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn triển khai và kiểm tra, giám sát các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh thực hiện Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm cân đối ngân sách, thực hiện chi trợ cấp đúng đối tượng, đúng chế độ và quyết toán theo quy định hiện hành; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thường xuyên rà soát, xét duyệt và thực hiện trợ cấp kịp thời đối với người khuyết tật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế các nội dung về mức trợ cấp, hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với người khuyết tật, người tâm thần tại Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc Quy định mức trợ cấp, trợ giúp cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Xuân Kôi